

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2020

Số: 32/2020/QĐST- KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 27/2020/TLST- KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Số M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn V -Theo văn bản ủy quyền số 292/GUQ –S ngày 03/7/2019; Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Quốc K - Theo văn bản ủy quyền số 103/GUQ/HC - 2019 ngày 04/7/2019.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K – Sinh năm 1963

HKTT: Số X, Ngõ Y đường Z, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Kim N – Sinh năm 1967

HKTT: Tổ Q, F, phường J, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Xác nhận ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị Kim N còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng số 392/2012/HĐTDTL-CN ngày 13/12/2012; Hợp đồng tín dụng số

161/2013/HĐTDTL-CN ngày 28/5/2013 và các giấy nhận nợ; Tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/7/2020 là: **3.808.794.374đ** (Ba tỷ tám trăm linh tám triệu bảy trăm chín tư nghìn ba trăm bảy tư đồng); Trong đó số tiền nợ gốc là: **1.770.000.000đ** (Một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng); Số tiền lãi là: **2.038.794.374đ** (Hai tỷ không trăm ba tám triệu bảy trăm chín tư nghìn ba trăm bảy tư đồng); Lãi trong hạn: **1.655.146.041đ** (một tỷ sáu trăm năm mươi năm triệu một trăm bốn sáu nghìn không trăm bốn một đồng) và lãi quá hạn là: **383.648.333đ** (Ba trăm tám ba triệu sáu trăm bốn tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

❖ Chậm nhất đến ngày 30/10/2020 ông K, bà N phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/7/2020 là: **3.808.794.374đ** (Ba tỷ tám trăm linh tám triệu bảy trăm chín tư nghìn ba trăm bảy tư đồng);

Trong trường hợp ông K, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo lộ trình trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số X, Ngõ Y đường Z, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội thửa đất số 82, tờ bản đồ số 330-7, diện tích 80,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 060923 do UBND quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/12/2007 mang tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Quốc K (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN 2613/2007/QĐ-UB/1011/2007, MS 10127011143) để thu hồi khoản nợ.

Kể từ sau ngày lập biên bản hòa giải thành 15/7/2020, ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị Kim N vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo chưa đủ để thu hồi nợ (bao gồm cả nợ gốc, lãi) thì ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị Kim N vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ còn lại cho đến khi Ngân hàng TMCP S thu hồi xong khoản nợ.

❖ Về án phí: Ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 54.087.944đồng. (Năm mươi tư triệu không trăm tám bảy nghìn chín trăm bốn bốn đồng). Hoàn lại Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.650.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/00000 33 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thoa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

